

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2017/DS-ST.

Ngày: 21-11-2017.

V/v tranh chấp hui.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Quốc Tiết.

Bà Huỳnh Thị Ngọc Hương.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo- Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Lan- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 60/2017/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2017 về việc tranh chấp hui, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2017/QĐXXST-DS, ngày 03 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Đ, sinh năm 1956, địa chỉ: Số nhà 307/7, ấp 7, xã Ph, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.(có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hồ Thị Đ: ông Trần Văn V, sinh năm 1966, địa chỉ: Số nhà 88A/5, ấp V, xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.(có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959, địa chỉ: Số nhà 140B/1, ấp 1, xã Ph, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (có đơn xin vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Văn Ph, sinh năm 1958, địa chỉ: Số nhà 140B/1, ấp 1, xã Ph, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn- bà Hồ Thị Đ trình bày tại đơn khởi kiện và ông Trần Văn V là người đại diện theo ủy quyền trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Bà T có vào các dây hui do bà Đ làm chủ hui, cụ thể như sau:

Dây hội thứ 1: Ngày 15/02/2013, bà T có vào dây hội 5.000.000 đồng do bà Đ làm chủ hội, hội gồm 15 hội viên, hội theo vụ lúa 3 tháng (03 tháng/01 kỳ hội). Bà T đã đóng được 1 lần, đến lần thứ 2 là vào tháng 8/2013, bà T hốt hội với số tiền là 35.155.000 đồng, bà T đóng hội chết được 9 lần tổng cộng là 45.000.000 đồng, đến ngày 15/12/2016 thì không đóng nữa. Bà T còn thiếu bà Đ 4 phần hội chết với số tiền là 20.000.000 đồng. Nay bà Đ yêu cầu bà T và ông Ph trả cho bà Đ tiền hội đến ngày 18/4/2017 là 5.000.000 đồng.

Dây hội thứ 2: Ngày 15/02/2013, bà T có vào dây hội 2.000.000 đồng do bà Đ làm chủ hội, hội gồm 16 hội viên, hội lúa 3 tháng. Bà T đã đóng được 3 lần, đến lần thứ 4 bà T hốt hội với số tiền là 15.180.000 đồng, bà T đóng hội chết được 8 lần tổng cộng là 16.000.000 đồng, đến ngày 15/12/2016 thì không đóng nữa thiếu lại 5 phần hội chết với số tiền là 10.000.000 đồng. Nay bà Đ yêu cầu bà T trả cho bà Đ tiền hội đến ngày 18/4/2017 là 2.000.000 đồng.

Dây hội thứ 3: Ngày 15/02/2013, bà T có vào dây hội 2.000.000 đồng do bà Đ làm chủ hội. Hội gồm 15 hội viên, bà T đã đóng được 1 lần, đến lần thứ 2 bà T hốt hội với số tiền là 16.900.000 đồng, bà T đóng hội chết được 10 lần tổng cộng là 20.000.000 đồng, đến ngày 15/12/2016 thì không đóng nữa, thiếu lại 4 phần hội chết với số tiền là 8.000.000 đồng. Nay bà Đ yêu cầu bà T và ông Ph trả cho bà Đ tiền hội đến ngày 18/4/2017 là 2.000.000 đồng.

Dây hội thứ 4: Ngày 15/3/2014, bà T có vào dây hội 2.000.000 đồng do bà Đ làm chủ hội. Hội gồm 15 hội viên, bà T hốt hội đầu tiên với số tiền là 17.830.000 đồng, bà T đóng hội chết được 8 lần tổng cộng là 16.000.000 đồng, đến ngày 15/12/2016 thì không đóng nữa, thiếu lại 7 phần hội chết với số tiền là 14.000.000 đồng. Nay bà Đ yêu cầu bà T và ông Ph trả cho bà Đ tiền hội đến ngày 18/4/2017 là 2.000.000 đồng.

Dây hội thứ 5: Ngày 15/3/2014, bà T có vào dây hội 2.000.000 đồng do bà Đ làm chủ hội. Hội gồm 15 hội viên, bà T đã đóng được 1 lần, đến lần thứ 2 thì bà T hốt hội với số tiền là 11.425.000 đồng, bà T đóng hội chết được 7 lần tổng cộng là 14.000.000 đồng, đến ngày 15/12/2016 thì không đóng nữa, thiếu lại 7 phần hội chết với số tiền là 14.000.000 đồng. Nay bà Đ yêu cầu bà T và ông Ph trả cho bà Đ tiền hội đến ngày 18/4/2017 là 2.000.000 đồng.

Dây hội thứ 6: Ngày 15/3/2016 bà T có vào dây hội 2.000.000 đồng do bà Đ làm chủ hội. Hội gồm 14 hội viên, bà T hốt hội đầu tiên với số tiền là 15.650.000 đồng, bà T đóng hội chết được 01 lần tổng cộng là 2.000.000 đồng, đến ngày 15/12/2016 thì không đóng nữa, bà T thiếu lại 12 phần hội chết với số tiền là 24.000.000 đồng. Nay bà Đ yêu cầu bà T và ông Ph trả cho bà Đ tiền hội đến ngày 18/4/2017 là 2.000.000 đồng.

Dây hội thứ 7: Ngày 05/02/2016, bà T có vào dây hội 2.000.000 đồng do bà Đ làm chủ hội. Hội gồm 18 hội viên, bà T đóng hội 01 lần, đến lần 02 bà T hốt hội với số tiền là 26.000.000 đồng, bà T đóng hội chết được 9 lần tổng cộng là

18.000.000 đồng, đến ngày 15/12/2016 thì không đóng nữa, thiếu lại 8 phần hụi chết với số tiền là 16.000.000 đồng. Nay bà Đ yêu cầu bà T và ông Ph trả cho bà Đ tiền hụi đến ngày 18/4/2017 là 8.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 8: Ngày 05/02/2016, bà T có vào dây hụi 2.000.000 đồng do bà Đ làm chủ hụi. Hụi gồm 19 hụi viên, bà T hốt hụi đầu với số tiền là 27.550.000 đồng, bà T đóng hụi chết được 9 lần tổng cộng là 18.000.000 đồng, đến ngày 15/12/2016 thì không đóng nữa, thiếu lại 9 phần hụi chết với số tiền là 18.000.000 đồng. Nay bà Đ yêu cầu bà T và ông Ph trả cho bà Đ tiền hụi đến ngày 18/4/2017 là 8.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 9: Ngày 05/02/2016, bà T có vào dây hụi 1.000.000 đồng do bà Đ làm chủ hụi. Hụi gồm 20 hụi viên, bà T hốt hụi với số tiền là 13.850.000 đồng, bà T đóng hụi chết được 9 lần tổng cộng là 9.000.000 đồng, đến ngày 15/12/2016 thì không đóng nữa, thiếu lại 10 phần hụi chết với số tiền là 10.000.000 đồng. Nay bà Đ yêu cầu bà T và ông Ph trả cho bà Đ tiền hụi đến ngày 18/4/2017 là 4.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 10: Ngày 15/9/2016, bà T có vào dây hụi 1.000.000 đồng do bà Đ làm chủ hụi. Hụi gồm 17 hụi viên, bà T hốt hụi đầu tiên với số tiền là 11.600.000 đồng, bà T đóng hụi chết được 2 lần tổng cộng là 2.000.000 đồng, đến ngày 15/12/2016 thì không đóng nữa, thiếu lại 14 phần hụi chết với số tiền là 14.000.000 đồng. Nay bà Đ yêu cầu bà T và ông Ph trả cho bà Đ tiền hụi đến ngày 18/4/2017 là 4.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 11: Ngày 15/9/2016, bà T có vào dây hụi 1.000.000 đồng do bà Đ làm chủ hụi. Hụi gồm 17 hụi viên, bà T hốt hụi đầu tiên với số tiền là 16.600.000 đồng, bà T đóng hụi chết được 2 lần tổng cộng là 2.000.000 đồng, đến ngày 15/12/2016 thì không đóng nữa, thiếu lại 14 phần hụi chết với số tiền là 14.000.000 đồng. Nay bà Đ yêu cầu bà T và ông Ph trả cho bà Đ tiền hụi đến ngày 18/4/2017 là 4.000.000 đồng.

Bà Đ yêu cầu bà T và ông Ph phải trả cho bà Đ số tiền nợ hụi tổng cộng là 43.000.000 đồng, yêu cầu trả 01 lần, không tính lãi.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị T xin vắng mặt, không có ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- ông Huỳnh Văn Ph trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Ông biết bà T (vợ ông) có chơi hụi do bà Đ làm chủ hụi, nhưng ông không biết bà T chơi bao nhiêu dây hụi và mỗi dây hụi với số tiền là bao nhiêu. Bà Đ yêu cầu bà T và ông phải trả cho bà Đ số tiền nợ hụi tổng cộng là 43.000.000 đồng, yêu cầu trả 01 lần, không tính lãi suất, ông không đồng ý. Ông đồng ý trả số tiền trên, nhưng trả nhiều lần, mỗi tháng ông trả cho bà Đ là 1.000.000 đồng, nhưng bà Đ không đồng ý. Vợ ông đang bị bệnh tai biến, tinh thần không ổn định, nên không

nhớ đã vào bao nhiêu phần hui và với số tiền bao nhiêu, khi nào vợ ông chữa khỏi bệnh sẽ chót được số tiền nợ và giải quyết cho bà Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành trình bày: Tòa án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong thụ lý vụ án, hòa giải, thu thập chứng cứ và xét xử. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền hui là 39.000.000 đồng. Đề nghị không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn với số tiền là 4.000.000 đồng của dây hui thứ 11 vì chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp không phù hợp với chứng cứ do người làm chứng cung cấp, không có cơ sở chứng minh bà T có tham gia dây hui thứ 11.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn kiện bị đơn, yêu cầu bị đơn trả nợ hui. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Các đương sự tham gia giao dịch hui từ năm 2013 đến năm 2016, nguyên đơn trình bày là bị đơn vi phạm nghĩa vụ đóng hui vào tháng 12 năm 2016, do đó việc khởi kiện của nguyên đơn còn trong thời hiệu khởi kiện.

[3] Bà T có đơn xin vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà T.

[4] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ hui với số tiền là 43.000.000 đồng, gồm các phần hui của 11 dây hui, nguyên đơn cung cấp chứng cứ là các giấy ghi hui và nhiều người làm chứng xác nhận là bà T có tham gia các dây hui do bà Đ làm chủ hui. Ông Ph thừa nhận là bà T có tham gia các dây hui do bà Đ làm chủ hui, nhưng không biết bà T còn nợ bà Đ tiền hui là bao nhiêu, ông Ph đồng ý trả cho bà Đ số tiền là 43.000.000 đồng theo yêu cầu của bà Đ, nhưng yêu cầu được trả nhiều lần, trả định kỳ mỗi tháng với số tiền là 1.000.000 đồng. Bà T không tham gia tố tụng, không có ý kiến và không phản đối đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ để chứng minh. Ông Ph trình bày là bà T bị bệnh tai biến, không đi lại được. Các đương sự thống nhất được số tiền nợ hui là 43.000.000 đồng, nhưng không thống nhất được Ph thức thanh toán. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có phần phù hợp với quy định tại các Điều 288 và 471 của Bộ luật dân sự nên chấp nhận một phần, cần buộc bị đơn và ông Ph liên đới trả cho nguyên đơn số tiền hui là 39.000.000 đồng (ba mươi chín triệu đồng). Bị đơn và ông Ph còn phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Đối với số tiền hui của dây hui thứ 11 là 4.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy giấy hui do nguyên đơn tự ghi có ghi bà T tham gia một phần hui, tuy nhiên

đối chiếu lại với giấy ghi hui khác của dây hui thứ 11 thì không có tên bà T, cũng không có tên “5 Ph” như những dây hui khác, bà Đ không chứng minh được bà T có tham gia dây hui thứ 11. Bà Đ yêu cầu bà T và ông Ph trả cho bà Đ số tiền 4.000.000 đồng của dây hui thứ 11 là không phù hợp với quy định tại các Điều 288 và 471 của Bộ luật dân sự nên không chấp nhận.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, hoàn cảnh kinh tế của bị đơn đang khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa Ph, bị đơn có nộp hồ sơ xin giảm tiền án phí, nên Hội đồng xét xử giảm cho bị đơn 50% tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 288, 468 và 471 của Bộ luật dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 13 và khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Hồ Thị Đ, buộc bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Văn Ph liên đới trả cho bà Hồ Thị Đ số tiền hui là 39.000.000 đồng (ba mươi chín triệu đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành hoàn tất số tiền trên, thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Hồ Thị Đ về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Văn Ph liên đới trả cho bà Hồ Thị Đ số tiền là 4.000.000 đồng.

2. Về án phí:

Giảm cho bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Văn Ph 50% tiền án phí với số tiền là 975.000 đồng (chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Văn Ph phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 975.000 đồng (chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Bà Hồ Thị Đ phải chịu án phí với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Hồ Thị Đ đã nộp là 1.075.000 đồng (một triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007568 ngày 04 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An, trả lại cho bà Hồ Thị Đ số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 775.000 đồng (bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Nguyên đơn và ông Huỳnh Văn Ph có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Cơ quan thi hành án huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Tùng